

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			-	-
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>102,242,677,198</b>	<b>96,466,083,469</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4,223,678,445</b>	<b>3,579,590,966</b>
1. Tiền	111		4,223,678,445	3,579,590,966
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>211,142,000</b>	<b>329,332,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		769,000,000	769,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(557,858,000)	(439,668,000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14,436,994,687</b>	<b>11,527,217,106</b>
1. Phải thu khách hàng	131		13,520,269,142	11,856,543,546
2. Trả trước cho người bán	132		1,615,613,041	50,214,563
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		559,416,626	610,578,297
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,258,304,122)	(990,119,300)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>83,037,624,338</b>	<b>80,225,368,570</b>
1. Hàng tồn kho	141		83,037,624,338	80,225,368,570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>333,237,728</b>	<b>804,574,827</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56,183,509	112,367,017
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			427,307,591
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		38,814,140	38,814,140
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		238,240,079	226,086,079
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>48,508,256,329</b>	<b>56,173,956,137</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43,294,250,054</b>	<b>51,223,956,137</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>		<b>39,425,792,965</b>	<b>48,101,739,082</b>
- Nguyên giá	222		238,019,420,309	235,687,537,193
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(198,593,627,344)	(187,585,798,111)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>		<b>3,868,457,089</b>	<b>3,122,217,055</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4,950,000,000</b>	<b>4,950,000,000</b>

1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,920,000,000	1,920,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3,030,000,000	3,030,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>264,006,275</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		264,006,275	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>150,750,933,527</b>	<b>152,640,039,606</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			<b>-</b>	<b>-</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>98,044,604,622</b>	<b>101,985,663,980</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>93,194,604,622</b>	<b>95,844,364,738</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		41,405,214,408	50,648,490,513
2. Phải trả người bán	312		40,953,423,938	39,280,270,586
3. Người mua trả tiền trước	313		3,904,949,399	509,408,419
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		200,607,216	12,986,550
5. Phải trả người lao động	315		4,049,710,746	2,952,628,009
6. Chi phí phải trả	316		451,602,571	362,631,970
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1,961,015,456	1,724,517,803
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		268,080,888	353,430,888
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4,850,000,000</b>	<b>6,141,299,242</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		4,850,000,000	4,740,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	1,401,299,242
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>52,706,328,905</b>	<b>50,654,375,626</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>52,706,328,905</b>	<b>50,654,375,626</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59,923,480,000	59,923,480,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313,744,700	313,744,700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		424,272,909	424,272,909
4. Cổ phiếu quỹ	414		(652,100,000)	(652,100,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		40,959,212	(70,740,924)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,468,736,977	5,468,736,977
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,487,865,606	1,487,865,606
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		100,000,000	100,000,000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(14,400,630,499)	(16,340,883,642)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>150,750,933,527</b>	<b>152,640,039,606</b>

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký c	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		76,811.94	94,440.17
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

Đồng nai, ngày 20 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

**CÔNG TY: CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THẠNH****Báo cáo tài chính****Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên F****Quý III năm tài chính 2011****Tel: 0613836549 Fax: 0613836305**

Mẫu số .....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ III năm 2011**

Chỉ tiêu	Mã ch	Thu	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		82,537,182,519	58,362,050,320	234,595,264,737	172,383,202,175
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		574,745,799	202,795,553	1,320,462,347	608,159,689
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>81,962,436,720</b>	<b>58,159,254,767</b>	<b>233,274,802,390</b>	<b>171,775,042,486</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		73,707,201,805	54,956,953,034	213,348,933,995	163,456,920,761
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>8,255,234,915</b>	<b>3,202,301,733</b>	<b>19,925,868,395</b>	<b>8,318,121,725</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6,829,272	102,090,174	34,387,538	438,571,997
7. Chi phí tài chính	22		1,804,613,686	1,533,659,690	5,831,581,164	4,652,118,567
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,804,613,686	1,533,659,690	5,713,391,164	4,517,148,493
8. Chi phí bán hàng	24		2,329,002,209	1,744,745,263	5,257,148,613	5,544,692,185
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,374,979,503	1,812,981,739	7,111,459,581	4,932,592,484
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1,753,468,789</b>	<b>(1,786,994,785)</b>	<b>1,760,066,575</b>	<b>(6,372,709,514)</b>
11. Thu nhập khác	31		-	377,476,357	208,565,978	686,968,606
12. Chi phí khác	32		-	305,959,798	28,379,410	395,265,744
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>71,516,559</b>	<b>180,186,568</b>	<b>291,702,862</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=10+13+14)</b>	<b>50</b>		<b>1,753,468,789</b>	<b>(1,715,478,226)</b>	<b>1,940,253,143</b>	<b>(6,081,006,652)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1,753,468,789</b>	<b>(1,715,478,226)</b>	<b>1,940,253,143</b>	<b>(6,081,006,652)</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		294	(288)	326	(1,021)

Đồng nai, ngày 20 tháng 10 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị báo cáo: Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 03 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2		3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, c/cấp dịch vụ và d/thu	01		258,650,339,970	189,771,562,118
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá/vụ	02		(212,796,806,571)	(161,451,447,141)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8,526,890,087)	(6,351,293,049)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5,575,203,503)	(4,465,910,441)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,084,763,778	2,423,570,145
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10,367,834,065)	(12,339,718,382)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>22,468,369,522</b>	<b>7,586,763,250</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	622,803,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		34,387,538	186,383,993
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>34,387,538</b>	<b>809,186,993</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		183,873,008,241	127,093,472,177
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(205,832,674,658)	(138,827,836,611)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả chủ sở hữu	36		-	(2,970,264,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(21,959,666,417)</b>	<b>(14,704,628,434)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>543,090,643</b>	<b>(6,308,678,191)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3,579,590,966</b>	<b>11,116,451,295</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		100,996,836	309,006,264
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>4,223,678,445</b>	<b>5,116,779,368</b>

Đồng nai, ngày 20 tháng 10 năm 2011

PT. KẾ TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

---

**I**

1. Thành lập: Công ty CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty GẠCH MEN THANH THANH theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Xây Dựng. Công ty CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH trực thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1, là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ. Công ty CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000091, cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004 và thay đổi lần thứ tư ngày 08 tháng 06 năm 2006.

2. Hình thức sở hữu vốn: vốn cổ phần.

Vốn điều lệ : 40.000.000.000 đồng.

Số cổ phần của các cổ đông sáng lập (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư) như sau:

1. Ông TRỊNH BỬU TUÂN	Đại diện vốn Nhà nước	140.000 cổ phần
2. Ông TRẦN HƯNG LƯƠNG	Đại diện vốn Nhà nước	34.000 cổ phần
3. Bà CHÂU THỊ DIỆU PHƯƠNG	Đại diện vốn Nhà nước	30.000 cổ phần
4. Ông HOÀNG QUỐC TRUNG	Đại diện vốn NLĐ trong DN	138.931 cổ phần
5. Ông NGUYỄN ĐỨC LỢI	Đại diện vốn NLĐ ngoài DN	55.600 cổ phần
8. Ông HOÀNG QUỐC TRUNG		820 cổ phần
9. Ông NGUYỄN ĐỨC LỢI		249 cổ phần
10. Ông VŨ NGỌC TOÀN		200 cổ phần
11. Ông NGUYỄN ĐỨC DŨNG		100 cổ phần
12. Bà DƯƠNG THỊ TUYẾT		100 cổ phần

Trụ sở chính của Công ty đặt tại : Đường số 1, KCN Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

3. Lĩnh vực kinh doanh : Theo giấy phép đầu tư hiện hành, lĩnh vực hoạt động của Công ty gồm :

- Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

---

- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.**

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào 01/01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính được thể hiện bằng Đồng Việt nam (“VND”)

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán là chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty đã được soạn thảo trên cơ sở dồn tích, quy ước theo giá gốc, phù hợp với các yêu cầu luật định, các chuẩn mực kế toán hiện có của Việt nam; Vì vậy, các nguyên tắc và thực hành kế toán đang được áp dụng tại Việt Nam có thể khác với thông lệ tại các nước và các thể chế khác.

Các báo cáo tài chính này đã được soạn thảo và trình bày phù hợp theo hệ thống kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định 15/2006 – QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung để ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho : theo giá gốc.

Giá vốn của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

---

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, xác định trên cơ sở thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, áp dụng theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003. Số năm khấu hao cho từng nhóm tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	10-30 năm
Máy móc thiết bị	08 năm
Phương tiện vận tải	07-08 năm
Thiết bị văn phòng	08 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết : Theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác : tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản đầu tư khác có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được coi là đầu tư ngắn hạn, còn nếu có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được coi là đầu tư dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn : Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư lớn hơn giá trị thị trường của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay : Theo chí phí vay thực tế.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay : Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

---

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán sẽ tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch đó.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm : Theo thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

Ghi nhận cổ tức : Theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế : Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

*11.1 Doanh thu bán hàng :* Ghi nhận tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá và xuất hoá đơn bán hàng.

*11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ :* Ghi nhận tại thời điểm công việc dịch vụ đã hoàn thành và xuất hoá đơn bán hàng.

*11.3 Doanh thu hoạt động tài chính :* Các khoản thu về lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận tại thời điểm có khả năng thu được lợi ích kinh tế và được xác định chắc chắn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác được ghi nhận tại thời điểm có bằng chứng phát sinh chi phí không kể đã chi hay chưa chi tiền.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 15%/ năm, được miễn thuế TNDN trong 5 năm, từ năm 2004 đến hết năm 2008 và được giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự khác biệt tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

---

báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán; thuế suất được dự tính trên cơ sở thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được kết chuyển vào báo cáo lãi lỗ.

Tài sản lưu động và công nợ ngắn hạn bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch chưa thực hiện do quy đổi được trình bày trên cân đối kế toán.

Công nợ dài hạn bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch lãi / lỗ do quy đổi được kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí tài chính thuộc báo cáo kết quả kinh doanh.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong bảng cân đối kế toán**

	<u>31/12/2010</u>	<u>30/09/2011</u>
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3.579.590.966</b>	<b>4.223.678.445</b>
- Tiền mặt:	1.183.370.869	789.045.252
- Tiền gửi ngân hàng:	2.396.220.097	3.434.633.193
- Các khoản tương đương tiền		
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>769.000.000</b>	<b>769.000.000</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>439.668.000</b>	<b>557.858.000</b>
<b>Đầu tư ngắn hạn thuần</b>	<b>329.332.000</b>	<b>211.142.000</b>
<b>3. Các khoản phải thu</b>	<b>11.527.217.106</b>	<b>14.436.994.687</b>
Trong đó :		
- Phải thu khách hàng	11.856.543.546	13.520.269.142
- Trả trước người bán	50.214.563	1.615.613.041
- Các khoản phải thu khác:	610.578.297	559.416.626
- Dự phòng phải thu khó đòi	(990.119.300)	(1.258.304.122)
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>80.225.368.570</b>	<b>83.037.624.338</b>
- Nguyên liệu vật liệu:	26.479.146.225	29.514.977.146

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

- Công cụ dụng cụ:	1.986.522.303	2.029.890.299			
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.523.600.477	-			
- Thành phẩm:	50.163.590.154	51.420.247.482			
- Hàng hoá	72.509.411	72.509.411			
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>80.225.368.570</b>	<b>83.037.624.338</b>			
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho					
	<u><b>31/12/2010</b></u>	<u><b>30/09/2011</b></u>			
<b>5. Thuế và các khoản khác phải thu</b>	-	-			
<b>6. Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>427.307.591</b>				
<b>7. Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>38.814.140</b>	<b>38.814.140</b>			
- Thuế khác	-	-			
<b>8. Phải thu dài hạn nội bộ</b>	-	-			
<b>9. Phải thu dài hạn khác</b>	-	-			
<b>10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình</b>					
	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	<b>23.687.500.786</b>	<b>205.543.454.458</b>	<b>6.170.344.297</b>	<b>286.237.652</b>	<b>235.687.537.193</b>
Mua trong kỳ	-	-	675.000.000	-	675.000.000
ĐT XDCB hoàn thành	1.725.454.545	-	-	-	1.725.454.545
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	68.571.429	-	68.571.429
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u><b>25.412.955.331</b></u>	<u><b>205.543.454.458</b></u>	<u><b>6.776.772.868</b></u>	<u><b>286.237.652</b></u>	<u><b>238.019.420.309</b></u>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	<b>16.250.144.426</b>	<b>166.637.936.988</b>	<b>4.411.479.045</b>	<b>286.237.652</b>	<b>187.585.798.111</b>
Khấu hao trong kỳ	905.313.439	9.785.578.059	357.129.754	-	11.048.021.252
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

Thanh lý, nhượng bán	-	-	40.192.019	-	40.192.019
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<b>17.155.457.865</b>	<b>176.423.515.047</b>	<b>4.728.416.780</b>	<b>286.237.652</b>	<b>198.593.627.344</b>
<b>III Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	<b>7.437.356.360</b>	<b>38.905.517.470</b>	<b>1.758.865.252</b>	<b>0</b>	<b>48.101.739.082</b>
Số cuối kỳ	<b>8.257.497.466</b>	<b>33.523.818.914</b>	<b>2.048.356.088</b>	<b>0</b>	<b>39.425.792.965</b>

**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

**12. Tài sản cố định vô hình**

	Nhãn hiệu hàng hoá	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm		
Mua trong năm	-	-
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-
Tặng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm		
<b>II. Giá trị hao mòn</b>		
Số dư đầu năm		
Khấu hao trong năm		
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm		
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm		
Tại ngày cuối năm		

<b>13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:</b>	<b><u>31/12/2010</u></b>	<b><u>30/09/2011</u></b>
Dự án lò than xịch PX2	1.396.762.509	1.397.035.236
Dự án lò than xịch PX3		1.968.670.254
Dự án lò than xịch PX1		502.751.599
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.396.762.509</b>	<b>3.868.457.089</b>

<b>14. Bất động sản đầu tư</b>	-	-
--------------------------------	---	---

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

<b>15. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>4.950.000.000</b>
	<u>31/12/2010</u>	<u>30/9/2011</u>
<b>Các khoản vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>50.648.490.513</b>	<b>41.405.214.408</b>
16. Vay ngắn hạn ngân hàng	47.749.789.755	37.805.214.408
<i>Đây là những khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai, vay theo hạn mức tín dụng, với thời hạn vay cho từng kế ước nhận nợ là từ 6 đến 8 tháng, lãi suất vay 18.0%/ năm . Chi tiết gồm ;</i>		
+ Vay bằng đồng Việt Nam (VNĐ)	47.749.789.755	37.805.214.408
+ Vay bằng ngoại tệ		-
<i>Tương đương (USD)</i>		-
- Vay dài hạn đến hạn trả	2.898.700.758	-
- Vay Tổng Công ty VLXD số 1 :	2.898.700.758	-
	<u>31/12/2010</u>	<u>30/9/2011</u>
<b>17. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước:</b>	<b>12.986.550</b>	<b>200.607.216</b>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa		198.144.716
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
- Thuế khác	12.986.550	2.462.500
<b>18. Chi phí phải trả:</b>	<b>362.631.970</b>	<b>451.602.571</b>
<b>19. Các khoản phải trả phải nộp khác:</b>	<b>1.724.517.803</b>	<b>1.961.015.456</b>
<b><u>Chi tiết gồm :</u></b>	<u>31/12/2010</u>	<u>30/9/2011</u>
Kinh phí công đoàn	132.546.387	264.645.160
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	260.057.619	319.082.801
Cổ tức còn phải trả cho các cổ đông		
Phải trả TCT VL số 1 về kinh phí hỗ trợ đào tạo nâng cấp tay nghề công nhân	700.000.000	700.000.000
Khoản thuế TNDN phải nộp liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Bình Dương	631.851.389	631.851.389

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

Phải trả khác	62.408	45.436.106
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.724.517.803</b>	<b>1.961.015.456</b>

<b>20. Phải trả dài hạn nội bộ</b>	-	-
<b>21. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>6.141.299.242</b>	<b>4.850.000.000</b>
<b>22. Tài sản thuế TN hoãn lại và thuế TN hoãn lại phải trả</b>	-	-

**23. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu :**

Đơn vị tính : ngàn đồng

	<b>Đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59.923.480			59.923.480
Thặng dư cổ phần	313.745			313.745
Vốn khác chủ sở hữu	424.273			424.273
Cổ phiếu quỹ	(652.100)			(652.100)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(70.741)	111.700		40.959
Quỹ đầu tư phát triển	5.468.737			5.468.737
Quỹ dự phòng tài chính	1.487.866			1.487.866
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	100.000			100.000
Lợi nhuận chưa phân phối	(16.340.884)	1.940.253		(14.400.630)
<b>Cộng</b>	<b>50.654.376</b>	<b>2.051.953</b>		<b>52.706.329</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :**

	<b>Năm trước</b>			<b>Năm nay</b>		
	<b>Tổng số</b>	<b>Vốn cổ phần thường</b>	<b>Vốn cổ phần ưu đãi</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Vốn cổ phần thường</b>	<b>Vốn cổ phần ưu đãi</b>
<b>Vốn đầu tư của Nhà nước</b>	20.400.000.000	20.400.000.000		20.400.000.000	20.400.000.000	
<b>Vốn góp (cổ đông)</b>	39.523.480.000	39.523.480.000		39.005.280.000	39.005.280.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	313.744.700	313.744.700		313.744.700	313.744.700	
<b>Cổ phiếu ngân quỹ</b>	-652.100.000	-652.100.000		-652.100.000	-651.100.000	
<b>Cộng</b>	<b>59.585.124.700</b>	<b>59.585.124.700</b>		<b>59.585.124.700</b>	<b>59.585.124.700</b>	

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận :**

	<u>31/12/2010</u>	<u>30/9/2011</u>
- Vốn chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	59.923.480.000	59.923.480.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	59.923.480.000	59.923.480.000
<i>Bao gồm : Cổ đông Nhà nước</i>	<i>20.400.000.000</i>	<i>20.400.000.000</i>
<i>Cổ đông khác</i>	<i>39.523.480.000</i>	<i>39.523.480.000</i>

**d. Cổ tức :**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán : Chưa công bố
- Cổ tức công bố trên cổ phiếu thường : Chưa công bố
- Cổ tức công bố trên cổ phiếu ưu đãi : Chưa công bố
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận.

**e. Cổ phiếu :**

	<u>31/12/2010</u>	<u>30/6/2011</u>
- Số lượng Cổ phiếu được phép phát hành	5.992.348	5.992.348
- Số lượng Cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	5.992.348	5.992.348
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>5.992.348</i>	<i>5.992.348</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	51.820	51.820
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>51.820</i>	<i>51.820</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.940.528	5.940.528
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>5.940.528</i>	<i>5.940.528</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

---

<b>23. Nguồn kinh phí</b>	-	-
<b>24. Tài sản thuê ngoài</b>	-	-

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>Quý 3/2010</u></b>	<b><u>Quý 3/2011</u></b>
- Doanh thu bán hàng	58.362.050.320	82.537.182.519
- Doanh thu khác		
- <b>Cộng</b>	<b>58.362.050.320</b>	<b>82.537.182.519</b>
<b>25. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b><u>Quý 3/2010</u></b>	<b><u>Quý 3/2011</u></b>
- Cộng	202.795.553	574.745.799
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	<b><u>Quý 3/2010</u></b>	<b><u>Quý 3/2011</u></b>
- Doanh thu thuần về bán hàng	58.159.254.767	81.962.436.720
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>58.159.254.767</b>	<b>81.962.436.720</b>
Giá vốn hàng bán	54.956.953.034	73.707.201.805
<b>26. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b><u>Quý 3/2010</u></b>	<b><u>Quý 3/2011</u></b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	102.090.174	6.829.272
- Cổ tức từ Cty Liên kết		
- <b>Cộng</b>	<b>102.090.174</b>	<b>6.829.272</b>
<b>27. Chi phí tài chính</b>	<b><u>Quý 3/2010</u></b>	<b><u>Quý 3/2011</u></b>
- Lãi tiền vay	1.533.659.690	1.686.423.686
- Dự phòng đầu tư ngắn hạn		118.190.000
<b>Cộng</b>	<b>1.533.659.690</b>	<b>1.804.613.686</b>
<b>28. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>Quý 3/2010</u></b>	<b><u>Quý 3/2011</u></b>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

*Từ năm 2009 đến 2013 Công ty được miễn thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 50% với thuế suất ưu đãi 15% .*



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**(Được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt nam)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ Quý III năm 2011

---

**29. Chi phí thuế TNDN hoãn lại** - -

<b>33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b><u>Quý 3/2010</u></b>	<b><u>Quý 3/2011</u></b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.401.544.933	65.054.415.370
- Chi phí nhân công	5.907.164.857	9.721.461.751
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.783.656.415	4.638.453.607
- Chi phí động lực	3694.800.124	5.142.640.934
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.447.627.857	3156.962.045
- Chi phí khác bằng tiền	1.277.104.844	1.573.764.904
<b>Cộng</b>	<b>66.511.899.030</b>	<b>89.287.698.611</b>

**Bắt đầu từ quý 2/2011 Công ty đã đưa các dự án cải tạo đầu tư làm giảm giá thành vào sử dụng và đã phát huy được nên quý 2/2011 Công ty lãi 2.612.643.216 đồng , sang quý 3/2011 đi vào mùa mưa nên Công ty tiêu thụ chậm hơn so với quý 2/2011 , kết quả SXKD quý 3/2011 lãi : 1.753.468.789 đồng .**

---

Phụ trách Kế toán  
**CHÂU THỊ DIỆU PHƯƠNG**

---

Tổng Giám đốc  
**TRẦN HÙNG LƯƠNG**